

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 08-8-2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Cao Thị Kim Phương

Bà Lê Thị Chúc Ngân

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Quách Thị Khuyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2022, tại Hội trường B - Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 325/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 88/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Hoàng Thùy T sinh năm 1988

Địa chỉ: Số A, ấp T, xã T, huyện Tr, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Quốc Th sinh năm 1982

Địa chỉ: Số B, ấp D, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 4 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn - chị Trần Hoàng Thùy T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Trần Hoàng Thùy T và anh Nguyễn Quốc Th quen biết, tìm hiểu và yêu nhau được khoảng hơn một năm thì tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 25/3/2009.

Theo chị T, sau khi kết hôn chị và anh Th sống chung với gia đình chị ở huyện Tr. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc nhưng sau khi chị T sinh con đầu lòng được khoảng vài tháng thì mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu phát sinh. Nguyên nhân là do anh Th không tu chí làm ăn và có hành vi phá tán tài sản gia đình (anh Th lấy tiền tiết kiệm để tiêu xài cá nhân hết). Khi mâu thuẫn xảy ra anh Th đã tự ý bỏ về nhà cha mẹ đẻ của anh Th ở huyện T sống được khoảng một năm thì hai bên gia đình hòa giải nên vợ chồng đã quay về đoàn tụ và chị T sinh con thứ hai vào tháng 8/2013. Tuy nhiên, mâu thuẫn vợ chồng lại tiếp tục phát sinh và ngày càng trầm trọng do anh Th vẫn không thay đổi, không quan tâm đến vợ con và anh Th lại lấy tiền chị T được hưởng thai sản để tiêu xài hết rồi bỏ về huyện T sống. Từ tháng 9/2013 cho đến nay anh Th không quan tâm đến chị T và các con, vợ chồng không còn chung sống với nhau, không ai quan tâm đến ai và không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng. Trong hai năm 2019 và 2020, chị T đã hai lần nộp đơn ly hôn với anh Th tại Tòa án nhưng do bận công việc và ảnh hưởng bởi tình hình dịch bệnh Covid-19 nên chị T đã rút đơn khởi kiện và Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án. Nay chị T nhận thấy không còn tình cảm với anh Th nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Quốc Th.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Trần Phương Tr, sinh ngày 16/01/2011 và cháu Nguyễn Trần Phương L, sinh ngày 06/8/2013, hiện các con đang sống với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai con chung. Chị T không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Hoàng Thùy T khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn - anh Nguyễn Quốc Th vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng cả nguyên đơn và bị đơn đều không đến tham dự (nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không rõ lý do) nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Trần Hoàng Thùy T và anh Nguyễn Quốc Th được ly hôn.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Trần Phương Tr, sinh ngày 16/01/2011 và cháu Nguyễn Trần Phương L, sinh ngày 06/8/2013

cho chị T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét.

+ Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn - chị Trần Hoàng Thùy T có yêu cầu ly hôn và tranh chấp về người trực tiếp nuôi con chung với bị đơn - anh Nguyễn Quốc Th. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định anh Th có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện sinh sống tại xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về việc xét xử vắng mặt các đương sự:* Tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt (nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không rõ lý do). Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trần Hoàng Thùy T và anh Nguyễn Quốc Th tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 25/3/2009 nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có, chị T và anh Th đã không còn sống chung với nhau, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và cùng nhau chia sẻ công việc trong gia đình; sự việc này mặc dù không được anh Th thừa nhận nhưng phù hợp với kết quả xác minh ngày 13/4/2022 tại Công an xã G, huyện T: “... Anh Th và chị T đã sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay ...”. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần tổ chức hòa giải để kêu gọi vợ chồng về đoàn tụ gia đình nhưng anh Th đều không đến thể hiện việc anh Th không có thiện chí hàn gắn tình cảm với chị T. Xét mâu thuẫn giữa chị T và anh Th đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 89, Điều 91 Luật hôn

nhân và gia đình năm 2000 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2] *Về con chung*: Chị T và anh Th có hai con chung là cháu Nguyễn Trần Phương Tr, sinh ngày 16/01/2011 và cháu Nguyễn Trần Phương L, sinh ngày 06/8/2013.

Xét yêu cầu của nguyên đơn: Hiện các con chung đang sống cùng với chị T, yêu cầu của chị T phù hợp với nguyện vọng của con chung. Do đó, để đảm bảo điều kiện phát triển bình thường, khỏe mạnh về thể chất và tinh thần, không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của con trẻ, Hội đồng xét xử xét cần tiếp tục giao hai con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.3] *Về cấp dưỡng*: Chị T hiện có nơi ở, công việc và thu nhập ổn định, đủ điều kiện để chăm sóc cho con chung. Mặc dù đã được Tòa án giải thích pháp luật về nghĩa vụ cấp dưỡng nhưng chị T không yêu cầu nên tạm thời anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị T xác định không có nợ chung và tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh Th vắng mặt nên không có ý kiến trình bày, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Trường hợp các đương sự không tự thỏa thuận được và có yêu cầu thì được quyền liên hệ với Tòa án có thẩm quyền để khởi kiện bằng một vụ kiện khác về tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn.

[3] **Về án phí**: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] **Về quyền kháng cáo**: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 9; Điều 11; Điều 89 và Điều 91 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Áp dụng Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - chị Trần Hoàng Thùy T.

1. *Về hôn nhân*: Xử cho chị Trần Hoàng Thùy T và anh Nguyễn Quốc Th được ly hôn.

2. *Về con chung*:

2.1. Giao cháu Nguyễn Trần Phương Tr, sinh ngày 16/01/2011 và cháu Nguyễn Trần Phương L, sinh ngày 06/8/2013 cho chị Trần Hoàng Thùy T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

2.2 Anh Nguyễn Quốc Th được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

2.3 Tạm thời anh Nguyễn Quốc Th không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Trần Hoàng Thùy T không yêu cầu.

3. *Về án phí*: Chị Trần Hoàng Thùy T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 0003639 ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Chị Trần Hoàng Thùy T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Thống Nhất;
- CCTHADS huyện Thống Nhất;
- UBND xã G, huyện T;
(GNCKH số 16/2009)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thùy Trang